ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 2480 /QĐ-UBND	*Gia Lai, ngày 08 tháng 6 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính liên thông, thủ tục hành chính không liên thông trong các lĩnh vực: Hoạt động khoa học và công nghệ; An toàn bức xạ và hạt nhân; Bưu chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 367/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 17/2026/QĐ-UBND ngày 16 tháng 4 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định ban hành Quy chế hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Quyết định số 2339/QĐ-UBND ngày 31 tháng 5 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố Danh mục thủ tục hành chính ban hành mới, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Hoạt động khoa học và công nghệ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Quyết định số 2344/QĐ-UBND ngày 31 tháng 5 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố Danh mục thủ tục hành chính ban hành mới, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Bưu chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Quyết định số 2410/QĐ-UBND ngày 03 tháng 6 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực An toàn bức xạ và hạt nhân thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 0207/TTr-SKHCN ngày 25 tháng 5 năm 2026, Tờ trình số 0211/TTr-SKHCN ngày 26 tháng 5 năm 2026, Tờ trình số 0216/TTr-SKHCN ngày 28 tháng 5 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này quy trình nội bộ giải quyết 09 thủ tục hành chính liên thông, 13 thủ tục hành chính không liên thông cấp tỉnh trong các lĩnh vực: Hoạt động khoa học và công nghệ; An toàn bức xạ và hạt nhân; Bưu chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ.

Điều 2. Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan trình phê duyệt quy trình nội bộ, thiết lập quy trình điện tử trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính và cập nhật, tích hợp việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia đối với các thủ tục hành chính được công bố tại Điều 1 Quyết định này theo đúng quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, xã, phường; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Bộ Tư pháp (Cục KSTTHC);
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Bưu điện tỉnh;
- VNPT tỉnh;
- Lưu: VT, V3, P.HCTC, PVHCC(KSTT).

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

Lâm Hải Giang

QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT 09 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LIÊN THÔNG, 13 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH KHÔNG LIÊN THÔNG CẤP TỈNH TRONG LĨNH VỰC: HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ; AN TOÀN BỨC XẠ VÀ HẠT NHÂN; BƯU CHÍNH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

I. QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LIÊN THÔNG CẤP TỈNH (09 TTHC)

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết TTHC theo quy định	Thời gian thực hiện TTHC của từng cơ quan	Quy trình các bước giải quyết TTHC	TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
A. LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ (02 TTHC)					
1	Thủ tục đặt và tổ chức xét tặng giải thưởng của tổ chức, cá nhân không cư trú, không hoạt động tại Việt Nam **1.014382.H21**	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	0,25 ngày làm việc	**Bước 1.** Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, xã, phường: tiếp nhận hồ sơ, chuyển đến Sở Khoa học và Công nghệ.	Quyết định số 2339/QĐ-UBND ngày 31/5/2026
			7,5 ngày làm việc	**Bước 2.** Sở Khoa học và Công nghệ giải quyết hồ sơ: 2.1. Lãnh đạo Phòng Công nghệ và Sở hữu trí tuệ phân công thụ lý: 0,5 ngày làm việc 2.2. Chuyên viên giải quyết hồ sơ: 5,5 ngày làm việc 2.3. Lãnh đạo Phòng Công nghệ và Sở hữu trí tuệ thông qua kết quả: 0,5 ngày làm việc 2.4. Lãnh đạo Sở ký duyệt văn bản trình: 0,5 ngày làm việc 2.5. Văn thư vào sổ, chuyển hồ sơ đến UBND tỉnh: 0,5 ngày làm việc	
			02 ngày làm việc	**Bước 3.** Văn phòng UBND tỉnh giải quyết, trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt kết quả.	
			0,25 ngày làm việc	**Bước 4.** Văn thư Văn phòng UBND tỉnh vào sổ văn bản, chuyển kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, xã, phường.	
2	Thủ tục đặt và tổ chức xét tặng giải thưởng của	12 ngày làm việc kể từ ngày nhận	0,25 ngày làm việc	**Bước 1.** Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, xã, phường: tiếp nhận hồ sơ, chuyển đến Sở Khoa học và Công nghệ	Quyết định
			9,5 ngày	**Bước 2.** Sở Khoa học và Công nghệ giải quyết hồ sơ:	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết TTHC theo quy định	Thời gian thực hiện TTHC của từng cơ quan	Quy trình các bước giải quyết TTHC	TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
(1)	**(2)**	**(3)**	**(4)**	**(5)**	**(6)**
	tổ chức, cá nhân cư trú hoặc hoạt động hợp pháp tại Việt Nam **1.014383.H21**	được hồ sơ hợp lệ.	làm việc	2.1. Lãnh đạo Phòng Công nghệ và Sở hữu trí tuệ phân công thụ lý: 0,5 ngày làm việc 2.2. Chuyên viên giải quyết hồ sơ: 7,5 ngày làm việc 2.3. Lãnh đạo Phòng Công nghệ và Sở hữu trí tuệ thông qua kết quả: 0,5 ngày làm việc 2.4. Lãnh đạo Sở ký duyệt văn bản trình: 0,5 ngày làm việc 2.5. Văn thư vào sổ, chuyển hồ sơ đến UBND tỉnh: 0,5 ngày làm việc	số 2339/QĐ-UBND ngày 31/5/2026
			02 ngày làm việc	**Bước 3.** Văn phòng UBND tỉnh giải quyết, trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt kết quả.	
			0,25 ngày làm việc	**Bước 4.** Văn thư Văn phòng UBND tỉnh vào sổ văn bản, chuyển kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, xã, phường.	
B. LĨNH VỰC BƯU CHÍNH (07 TTHC)					
1	Cấp giấy phép bưu chính vi liên tỉnh, quốc tế **1.004376.H21**	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định.	0,25 ngày làm việc	**Bước 1.** Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, xã, phường: tiếp nhận hồ sơ, chuyển đến Sở Khoa học và Công nghệ.	Quyết định số 2344/QĐ-UBND ngày 31/5/2026
			7,5 ngày làm việc	**Bước 2.** Sở Khoa học và Công nghệ giải quyết hồ sơ: 2.1. Lãnh đạo Phòng Chuyển đổi số và Bưu chính viễn thông phân công thụ lý: 0,5 ngày làm việc 2.2. Chuyên viên giải quyết hồ sơ: 5,5 ngày làm việc 2.3. Lãnh đạo Phòng Chuyển đổi số và Bưu chính viễn thông thông qua kết quả: 0,5 ngày làm việc 2.4. Lãnh đạo Sở ký duyệt văn bản trình: 0,5 ngày làm việc 2.5. Văn thư vào sổ, chuyển hồ sơ đến UBND tỉnh: 0,5 ngày làm việc	
			02 ngày làm việc	**Bước 3.** Văn phòng UBND tỉnh giải quyết, trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt kết quả.	
			0,25 ngày làm việc	**Bước 4.** Văn thư Văn phòng UBND tỉnh vào sổ văn bản, chuyển kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, xã, phường	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết TTHC theo quy định	Thời gian thực hiện TTHC của từng cơ quan	Quy trình các bước giải quyết TTHC	TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
2	Sửa đổi, bổ sung giấy phép bưu chính (phạm vi liên tỉnh, quốc tế) **1.004366.H21**	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định.	0,25 ngày làm việc	**Bước 1.** Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, xã, phường: tiếp nhận hồ sơ, chuyển đến Sở Khoa học và Công nghệ	Quyết định số 2344/QĐ-UBND ngày 31/5/2026
			3,5 ngày làm việc	**Bước 2.** Sở Khoa học và Công nghệ giải quyết hồ sơ: 2.1. Lãnh đạo Phòng Chuyển đổi số và Bưu chính viễn thông phân công thụ lý: 0,5 ngày làm việc 2.2. Chuyên viên giải quyết hồ sơ: 1,75 ngày làm việc 2.3. Lãnh đạo Phòng Chuyển đổi số và Bưu chính viễn thông thông qua kết quả: 0,5 ngày làm việc 2.4. Lãnh đạo Sở ký duyệt văn bản trình: 0,5 ngày làm việc 2.5. Văn thư vào sổ, chuyển hồ sơ đến UBND tỉnh: 0,25 ngày làm việc	
			01 ngày làm việc	**Bước 3.** Văn phòng UBND tỉnh giải quyết, trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt kết quả.	
			0,25 ngày làm việc	**Bước 4.** Văn thư Văn phòng UBND tỉnh vào sổ văn bản, chuyển kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, xã, phường.	
3	Cấp lại giấy phép bưu chính khi hết hạn (phạm vi liên tỉnh, quốc tế) **1.004354.H21**	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định.	0,5 ngày làm việc	**Bước 1.** Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, xã, phường: tiếp nhận hồ sơ, chuyển đến Sở Khoa học và Công nghệ	Quyết định số 2344/QĐ-UBND ngày 31/5/2026
			3,5 ngày làm việc	**Bước 2.** Sở Khoa học và Công nghệ giải quyết hồ sơ: 2.1. Lãnh đạo Phòng Chuyển đổi số và Bưu chính viễn thông phân công thụ lý: 0,5 ngày làm việc 2.2. Chuyên viên giải quyết hồ sơ: 1,75 ngày làm việc 2.3. Lãnh đạo Phòng Chuyển đổi số và Bưu chính viễn thông thông qua kết quả: 0,5 ngày làm việc 2.4. Lãnh đạo Sở ký duyệt văn bản trình: 0,5 ngày làm việc 2.5. Văn thư vào sổ, chuyển hồ sơ đến UBND tỉnh: 0,25 ngày làm việc	
			01 ngày làm việc	**Bước 3.** Văn phòng UBND tỉnh giải quyết, trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt kết quả	
			0,5 ngày	**Bước 4.** Văn thư Văn phòng UBND tỉnh vào sổ văn bản, chuyển kết quả cho	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết TTHC theo quy định	Thời gian thực hiện TTHC của từng cơ quan	Quy trình các bước giải quyết TTHC	TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
			làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, xã, phường.	
4	Cấp lại giấy phép bưu chính khi bị mất hoặc hư hỏng không sử dụng được (phạm vi liên tỉnh, quốc tế) **1.004430.H21**	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định.	0,25 ngày làm việc	**Bước 1.** Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, xã, phường: tiếp nhận hồ sơ, chuyển đến Sở Khoa học và Công nghệ.	Quyết định số 2344/QĐ-UBND ngày 31/5/2026
			1,5 ngày làm việc	**Bước 2.** Sở Khoa học và Công nghệ giải quyết hồ sơ: 2.1. Lãnh đạo Phòng Chuyển đổi số và Bưu chính viễn thông phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc 2.2. Chuyên viên giải quyết hồ sơ: 0,5 ngày làm việc 2.3. Lãnh đạo Phòng Chuyển đổi số và Bưu chính viễn thông thông qua kết quả: 0,25 ngày làm việc 2.4. Lãnh đạo Sở ký duyệt văn bản trình: 0,25 ngày làm việc 2.5. Văn thư vào sổ, chuyển hồ sơ đến UBND tỉnh: 0,25 ngày làm việc	
			01 ngày làm việc	**Bước 3.** Văn phòng UBND tỉnh giải quyết, trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt kết quả.	
			0,25 ngày làm việc	**Bước 4.** Văn thư Văn phòng UBND tỉnh vào sổ văn bản, chuyển kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, xã, phường.	
5	Cấp văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính (phạm vi liên tỉnh, quốc tế) **1.004429.H21**	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định.	0,25 ngày làm việc	**Bước 1.** Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, xã, phường: tiếp nhận hồ sơ, chuyển đến Sở Khoa học và Công nghệ.	Quyết định số 2344/QĐ-UBND ngày 31/5/2026
			3,5 ngày làm việc	**Bước 2.** Sở Khoa học và Công nghệ giải quyết hồ sơ: 2.1. Lãnh đạo Phòng Chuyển đổi số và Bưu chính viễn thông phân công thụ lý: 0,5 ngày làm việc 2.2. Chuyên viên giải quyết hồ sơ: 1,75 ngày làm việc 2.3. Lãnh đạo Phòng Chuyển đổi số và Bưu chính viễn thông thông qua kết quả: 0,5 ngày làm việc 2.4. Lãnh đạo Sở ký duyệt văn bản trình: 0,5 ngày làm việc 2.5. Văn thư vào sổ, chuyển hồ sơ đến UBND tỉnh: 0,25 ngày làm việc	
			01 ngày làm việc	**Bước 3.** Văn phòng UBND tỉnh giải quyết, trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt kết quả.	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết TTHC theo quy định	Thời gian thực hiện TTHC của từng cơ quan	Quy trình các bước giải quyết TTHC	TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
			0,25 ngày làm việc	**Bước 4.** Văn thư Văn phòng UBND tỉnh vào sổ văn bản, chuyển kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, xã, phường.	
6	Sửa đổi, bổ sung văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính (phạm vi liên tỉnh, quốc tế) **1.004430.H21**	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định.	0,25 ngày làm việc	**Bước 1.** Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, xã, phường: tiếp nhận hồ sơ, chuyển đến Sở Khoa học và Công nghệ.	Quyết định số 2344/QĐ-UBND ngày 31/5/2026
			3,5 ngày làm việc	**Bước 2.** Sở Khoa học và Công nghệ giải quyết hồ sơ: 2.1. Lãnh đạo Phòng Chuyển đổi số và Bưu chính viễn thông phân công thụ lý: 0,5 ngày làm việc 2.2. Chuyên viên giải quyết hồ sơ: 1,75 ngày làm việc 2.3. Lãnh đạo Phòng Chuyển đổi số và Bưu chính viễn thông thông qua kết quả: 0,5 ngày làm việc 2.4. Lãnh đạo Sở ký duyệt văn bản trình: 0,5 ngày làm việc 2.5. Văn thư vào sổ, chuyển hồ sơ đến UBND tỉnh: 0,25 ngày làm việc	
			01 ngày làm việc	**Bước 3.** Văn phòng UBND tỉnh giải quyết, trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt kết quả.	
			0,25 ngày làm việc	**Bước 4.** Văn thư Văn phòng UBND tỉnh vào sổ văn bản, chuyển kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, xã, phường.	
7	Cấp lại văn bản xác nhận thông báo khi bị mất hoặc hư hỏng không sử dụng được (phạm vi liên tỉnh, quốc tế) **1.004428.H21**	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định.	0,25 ngày làm việc	**Bước 1.** Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, xã, phường: tiếp nhận hồ sơ, chuyển đến Sở Khoa học và Công nghệ.	Quyết định số 2344/QĐ-UBND ngày 31/5/2026
			1,5 ngày làm việc	**Bước 2.** Sở Khoa học và Công nghệ giải quyết hồ sơ: 2.1. Lãnh đạo Phòng Chuyển đổi số và Bưu chính viễn thông phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc 2.2. Chuyên viên giải quyết hồ sơ: 0,5 ngày làm việc 2.3. Lãnh đạo Phòng Chuyển đổi số và Bưu chính viễn thông thông qua kết quả: 0,25 ngày làm việc 2.4. Lãnh đạo Sở ký duyệt văn bản trình: 0,25 ngày làm việc 2.5. Văn thư vào sổ, chuyển hồ sơ đến UBND tỉnh: 0,25 ngày làm việc	
			01 ngày	**Bước 3.** Văn phòng UBND tỉnh giải quyết, trình Chủ tịch UBND tỉnh phê	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết TTHC theo quy định	Thời gian thực hiện TTHC của từng cơ quan	Quy trình các bước giải quyết TTHC	TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
(1)	**(2)**	**(3)**	**(4)**	**(5)**	**(6)**
			làm việc	duyệt kết quả.	
			0,25 ngày làm việc	**Bước 4.** Văn thư Văn phòng UBND tỉnh vào sổ văn bản, chuyển kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, xã, phường.	
Tổng cộng: 09 TTHC					

II. QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH KHÔNG LIÊN THÔNG CẤP TỈNH (13 TTHC)

STT	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
			(3A) Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh, xã, phường (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	**(3B) Cơ quan/Bộ phận chuyên môn** (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	**(3C) Lãnh đạo cơ quan** (Bước 3: Ký duyệt)	**(3D) Văn thư** (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, xã, phường)	
A. LĨNH VỰC AN TOÀN BỨC XẠ VÀ HẠT NHÂN (06 TTHC)							
1	Khai báo thiết bị X quang chẩn đoán y tế, thiết bị chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET (PET/CT), SPECT (SPECT/CT), sử dụng thiết bị phát tia X (trừ thiết bị chụp ảnh phóng xạ công nghiệp).	3,5 ngày làm việc	0,5 ngày làm việc	Phòng Công nghệ và Sở hữu trí tuệ**: 02 ngày làm việc** **1.** Lãnh đạo Phòng Công nghệ và Sở hữu trí tuệ phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc. **2.** Chuyên viên giải quyết hồ sơ: 1,5 ngày làm việc.	0,5 ngày làm việc	0,5 ngày làm việc	Quyết định số 2410/QĐ-UBND ngày 03/6/2026

STT	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
			(3A) Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh, xã, phường (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	**(3B) Cơ quan/Bộ phận chuyên môn** (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	**(3C) Lãnh đạo cơ quan** (Bước 3: Ký duyệt)	**(3D) Văn thư** (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, xã, phường)	
	1.014674.H21			**3.** Lãnh đạo Phòng Công nghệ và Sở hữu trí tuệ thông qua kết quả: 0,25 ngày làm việc.			
2	Cấp Giấy phép tiến hành công việc bức xạ - sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán y tế, thiết bị chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET (PET/CT), SPECT (SPECT/CT), sử dụng thiết bị phát tia X (trừ thiết bị chụp ảnh phóng xạ công nghiệp). **1.014675.H21**	12,5 ngày làm việc	**Đối với sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán y tế, thiết bị chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET (PET/CT), SPECT (SPECT/CT)**				Quyết định số 2410/QĐ-UBND ngày 03/6/2026
			0,5 ngày làm việc	Phòng Công nghệ và Sở hữu trí tuệ: **11 ngày làm việc** **1.** Lãnh đạo Phòng Công nghệ và Sở hữu trí tuệ phân công thụ lý: 0,5 ngày làm việc. **2.** Chuyên viên giải quyết hồ sơ: 10 ngày làm việc. **3.** Lãnh đạo Phòng Công nghệ và Sở hữu trí tuệ thông qua kết quả: 0,5 ngày làm việc.	0,5 ngày làm việc	0,5 ngày làm việc	
		22,5 ngày làm việc	**Đối với sử dụng thiết bị phát tia X (trừ thiết bị chụp ảnh phóng xạ công nghiệp)**				
			0,5 ngày làm việc	**Phòng Công nghệ và Sở hữu trí tuệ: 21 ngày làm việc** **1.** Lãnh đạo Phòng Công nghệ và Sở hữu trí tuệ phân công thụ lý: 0,5 ngày làm việc. **2.** Chuyên viên giải quyết hồ sơ: 20 ngày làm việc.	0,5 ngày làm việc	0,5 ngày làm việc	

STT	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
			(3A) Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh, xã, phường (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	**(3B) Cơ quan/Bộ phận chuyên môn** (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	**(3C) Lãnh đạo cơ quan** (Bước 3: Ký duyệt)	**(3D) Văn thư** (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, xã, phường)	
				3. Lãnh đạo Phòng Công nghệ và Sở hữu trí tuệ thông qua kết quả: 0,5 ngày làm việc.			
3	Gia hạn Giấy phép tiến hành công việc bức xạ - sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán y tế, thiết bị chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET (PET/CT), SPECT (SPECT/CT), sử dụng thiết bị phát tia X (trừ thiết bị chụp ảnh phóng xạ công nghiệp). **1.014679.H21**	12,5 ngày làm việc	**Đối với gia hạn Giấy phép sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán y tế, thiết bị chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET (PET/CT), SPECT (SPECT/CT)**				Quyết định số 2410/QĐ-UBND ngày 03/6/2026
			0,5 ngày làm việc	**Phòng Công nghệ và Sở hữu trí tuệ: 11 ngày làm việc** **1.** Lãnh đạo Phòng Công nghệ và Sở hữu trí tuệ phân công thụ lý: 0,5 ngày làm việc. **2**. Chuyên viên giải quyết hồ sơ: 10 ngày làm việc. **3.** Lãnh đạo Phòng Công nghệ và Sở hữu trí tuệ thông qua kết quả: 0,5 ngày làm việc.	0,5 ngày làm việc	0,5 ngày làm việc	
		15,5 ngày làm việc	**Đối với gia hạn Giấy phép sử dụng thiết bị phát tia X (trừ thiết bị chụp ảnh phóng xạ công nghiệp)**				
			0,5 ngày làm việc	**Phòng Công nghệ và Sở hữu trí tuệ: 14 ngày làm việc** **1.** Lãnh đạo Phòng Công nghệ và Sở hữu trí tuệ phân công thụ lý: 0,5 ngày làm việc. **2**. Chuyên viên giải quyết hồ sơ: 13 ngày làm việc.	0,5 ngày làm việc	0,5 ngày làm việc	

STT	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
			(3A) Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh, xã, phường (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Cơ quan/Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, xã, phường)	
				3. Lãnh đạo Phòng Công nghệ và Sở hữu trí tuệ thông qua kết quả: 0,5 ngày làm việc.			
4	Sửa đổi Giấy phép tiến hành công việc bức xạ - sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán y tế, thiết bị chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET (PET/CT), SPECT (SPECT/CT), sử dụng thiết bị phát tia X (trừ thiết bị chụp ảnh phóng xạ công nghiệp). **1.014676.H21**	7,5 ngày làm việc	0,5 ngày làm việc	**Phòng Công nghệ và Sở hữu trí tuệ: 06 ngày làm việc** **1.** Lãnh đạo Phòng Công nghệ và Sở hữu trí tuệ phân công thụ lý: 0,5 ngày làm việc. **2**. Chuyên viên giải quyết hồ sơ: 05 ngày làm việc. **3.** Lãnh đạo Phòng Công nghệ và Sở hữu trí tuệ thông qua kết quả: 0,5 ngày làm việc.	0,5 ngày làm việc	0,5 ngày làm việc	Quyết định số 2410/QĐ-UBND ngày 03/6/2026
5	Bổ sung Giấy phép tiến hành công việc bức xạ - sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán y tế, thiết bị chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET (PET/CT), SPECT (SPECT/CT), sử dụng thiết bị phát tia X	15,5 ngày làm việc	0,5 ngày làm việc	**Phòng Công nghệ và Sở hữu trí tuệ: 14 ngày làm việc** **1.** Lãnh đạo Phòng Công nghệ và Sở hữu trí tuệ phân công thụ lý: 0,5 ngày làm việc. **2**. Chuyên viên giải quyết hồ sơ: 13 ngày làm việc.	0,5 ngày làm việc	0,5 ngày làm việc	Quyết định số 2410/QĐ-UBND ngày 03/6/2026

STT	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
			(3A) Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh, xã, phường (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Cơ quan/Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, xã, phường)	
	(trừ thiết bị chụp ảnh phóng xạ công nghiệp). **1.014677.H21**			**3.** Lãnh đạo Phòng Công nghệ và Sở hữu trí tuệ thông qua kết quả: 0,5 ngày làm việc.			
6	Cấp Chứng chỉ nhân viên bức xạ (người phụ trách an toàn cơ sở sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán y tế, thiết bị chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET (PET/CT), SPECT (SPECT/CT), sử dụng thiết bị phát tia X (trừ thiết bị chụp ảnh phóng xạ công nghiệp) **1.014678.H21**	7,5 ngày làm việc	0,5 ngày làm việc	**Phòng Công nghệ và Sở hữu trí tuệ: 06 ngày làm việc** **1.** Lãnh đạo Phòng Công nghệ và Sở hữu trí tuệ phân công thụ lý: 0,5 ngày làm việc. **2**. Chuyên viên giải quyết hồ sơ: 05 ngày làm việc. **3.** Lãnh đạo Phòng Công nghệ và Sở hữu trí tuệ thông qua kết quả: 0,5 ngày làm việc.	0,5 ngày làm việc	0,5 ngày làm việc	Quyết định số 2410/QĐ-UBND ngày 03/6/2026
B. LĨNH VỰC BƯU ĐIỆN (07 TTHC)							
1	Cấp giấy phép bưu chính (nội tỉnh) **1.003659.H21**	09 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Phòng Chuyển đổi số và Bưu chính, Viễn thông: 08 ngày làm việc, cụ thể: **1.** Lãnh đạo phòng Chuyển đổi số và Bưu chính, Viễn thông phân công thụ lý: 01 ngày làm việc.	0,5 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Quyết định số 2344/QĐ-UBND

STT	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
			(3A) Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh, xã, phường (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Cơ quan/Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, xã, phường)	
				2. Chuyên viên giải quyết hồ sơ: 6,5 ngày làm việc. **3.** Lãnh đạo phòng Chuyển đổi số và Bưu chính, Viễn thông thông qua văn bản: 0,5 ngày làm việc.			ngày 31/5/2026
2	Sửa đổi, bổ sung giấy phép bưu chính (nội tỉnh) **1.003687.H21**	05 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Phòng Chuyển đổi số và Bưu chính, Viễn thông: 04 ngày làm việc, cụ thể: **1.** Lãnh đạo phòng Chuyển đổi số và Bưu chính, Viễn thông phân công thụ lý: 0,5 ngày làm việc. **2.** Chuyên viên giải quyết hồ sơ: 03 ngày làm việc. **3.** Lãnh đạo phòng Chuyển đổi số và Bưu chính, Viễn thông thông qua văn bản: 0,5 ngày làm việc.	0,5 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Quyết định số 2344/QĐ-UBND ngày 31/5/2026
3	Cấp lại giấy phép bưu chính khi hết hạn (nội tỉnh) **1.003633.H21**	05 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Phòng Chuyển đổi số và Bưu chính, Viễn thông: 04 ngày làm việc, cụ thể: **1.** Lãnh đạo phòng Chuyển đổi số và Bưu chính, Viễn thông phân công thụ lý: 0,5 ngày làm việc. **2.** Chuyên viên giải quyết hồ sơ: 03 ngày làm việc.	0,5 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Quyết định số 2344/QĐ-UBND ngày 31/5/2026

STT	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
			(3A) Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh, xã, phường (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Cơ quan/Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, xã, phường)	
				3. Lãnh đạo phòng Chuyển đổi số và Bưu chính, Viễn thông thông qua văn bản: 0,5 ngày làm việc.			
4	Cấp lại giấy phép bưu chính khi bị mất hoặc hư hỏng không sử dụng được (nội tỉnh) **1.004379.H21**	03 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Phòng Chuyển đổi số và Bưu chính, Viễn thông: 02 ngày làm việc, cụ thể: **1.** Lãnh đạo phòng Chuyển đổi số và Bưu chính, Viễn thông phân công thụ lý: 0,5 ngày làm việc. **2.** Chuyên viên giải quyết hồ sơ: 01 ngày làm việc. **3.** Lãnh đạo phòng Chuyển đổi số và Bưu chính, Viễn thông thông qua văn bản: 0,5 ngày làm việc.	0,5 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Quyết định số 2344/QĐ-UBND ngày 31/5/2026
5	Cấp văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính (nội tỉnh) **1.004470.H21**	2,5 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Phòng Chuyển đổi số và Bưu chính, Viễn thông: 1,5 ngày làm việc, cụ thể: **1.** Lãnh đạo phòng Chuyển đổi số và Bưu chính, Viễn thông phân công thụ lý: 0,5 ngày làm việc. **2.** Chuyên viên giải quyết hồ sơ: 0,75 ngày làm việc. **3.** Lãnh đạo phòng Chuyển đổi số và Bưu chính, Viễn thông thông qua văn bản: 0,25 ngày làm việc.	0,5 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Quyết định số 2344/QĐ-UBND ngày 31/5/2026

STT	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
			(3A) Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh, xã, phường (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Cơ quan/Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, xã, phường)	
6	Sửa đổi, bổ sung văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính (nội tỉnh) **1.010902.H21**	4,5 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Phòng Chuyển đổi số và Bưu chính, Viễn thông: 3,5 ngày làm việc, cụ thể: **1.** Lãnh đạo phòng Chuyển đổi số và Bưu chính, Viễn thông phân công thụ lý: 0,5 ngày làm việc. **2.** Chuyên viên giải quyết hồ sơ: 2,5 ngày làm việc. **3.** Lãnh đạo phòng Chuyển đổi số và Bưu chính, Viễn thông thông qua văn bản: 0,5 ngày làm việc.	0,5 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Quyết định số 2344/QĐ-UBND ngày 31/5/2026
7	Cấp lại văn bản xác nhận thông báo khi bị mất hoặc hư hỏng không sử dụng được (nội tỉnh) **1.005442.H21**	03 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Phòng Chuyển đổi số và Bưu chính, Viễn thông: 02 ngày làm việc, cụ thể: **1.** Lãnh đạo phòng Chuyển đổi số và Bưu chính, Viễn thông phân công thụ lý: 0,5 ngày làm việc. **2.** Chuyên viên giải quyết hồ sơ: 01 ngày làm việc. **3.** Lãnh đạo phòng Chuyển đổi số và Bưu chính, Viễn thông thông qua văn bản: 0,5 ngày làm việc.	0,5 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Quyết định số 2344/QĐ-UBND ngày 31/5/2026
Tổng cộng: 13 TTHC							